TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19 /2015/KDTM-ST Ngày: 08/09/2015. *V/v* "*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*"	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Tấn Long.
- Các Hội thẩm nhân dân
  + Ông Nguyễn Hữu Tin.
  + Ông Nguyễn Văn Thông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam kỳ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 09 năm 2015, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tam Kỳ tiến hành mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2015/KDTM-ST ngày 27/01/2015 về việc "*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2015/QĐXX-ST ngày 27/07/2015 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2015/QĐST-HPT ngày 17/08/2015 và Giấy triệu tập tham dự phiên tòa lần 2 ngày 17/08/2015 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV CL.

Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Quảng Nam.

Do ông Cao Ngọc T, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV CL đại diện theo pháp luật (theo Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 2583/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q).

Địa chỉ: Số 159B TQC, K, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần TN.

Địa chỉ cũ: phường P, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ mới: Số 345/134 THĐ, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH MTV CL (sau đây gọi tắt là Công ty CL) và Công ty Cổ phần TN (sau đây gọi tắt là Công ty TN) có quan hệ mua bán hàng hóa là giấy in trong nhiều năm nay.

Đến năm 2012 Công ty CL có ký 02 hợp đồng kinh tế bán hàng là giấy in cho Công ty TN là Hợp đồng số 03/KHCL-TN ngày 05/03/2012 và Hợp đồng số 06/KHCL-TN ngày 02/10/2012. Công ty TN đã thanh toán một phần tiền mua hàng của Hợp đồng số 03/KHCL-TN ngày 05/03/2012 cho Công ty CL, đối với Hợp đồng số 06/KHCL-TN ngày 02/10/2012 thì chưa thanh toán, số tiền nợ còn lại mặc dù Công ty CL đã yêu cầu nhiều lần nhưng phĩa Công ty TN vẫn không thanh toán, số nợ của hai hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 03/KHCL-TN ngày 05/03/2012 số tiền mua giấy in còn nợ là 194.261.835 đồng.

+ Hợp đồng số 06/KHCL-TN ngày 02/10/2012 số tiền nợ mua giấy còn nợ là 4.849.566.396 đồng.

Tổng cộng là 5.043.828.231đồng

Số nợ này đã được hai bên nhiều lần đối chiếu công nợ và lần đối chiếu công nợ gần đây nhất ngày 30/6/2015 cả hai công ty đều thống nhất số nợ này (theo biên bản đối chiếu công nợ là 5.043.828.231đồng nhưng theo chứng từ kế toán theo dõi là 5.043.828.232đồng. Vì vậy, Công ty CL khởi kiện yêu cầu Công ty TN phải thanh toán dứt điểm số nợ gốc 5.043.828.231đồng trên và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận tại hai hợp đồng là: Thanh toán dần trong vòng 30 ngày chia thành 4 đợt thanh toán kể từ ngày bên B (tức là Công ty TN) nhận được hàng và hóa đơn tài chính của bên A (tức là Công ty CL). Trong trường hợp bên B chậm thanh toán, bên B phải chịu lãi quá hạn của ngân hàng bên A.

Thời gian tính lãi chậm thanh toán tính từ ngày hết thời hạn thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tại thời điểm bán hàng và cho đến nay Công ty CL đã vay vốn của Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Quảng Nam lãi suất trong hạn từ 11,5/năm đến 12,5%/năm.

- Tại bản tự khai bị đơn là Công ty TN trình bày: Công ty Cổ phần TN (gọi tắt là Công ty TN) và Công ty TNHH MTV CL (gọi tắt là Công ty CL) đã có sự hợp tác kinh doanh từ năm 2006. Mỗi năm Công ty TN đã nhập của Công ty CL hơn 5.000 tấn giấy in báo với trị giá ước tính hơn 70 tỷ đồng. Đột biến năm 2008, Công ty TN đã nhập của Công ty CL hơn 10.000 tấn giấy trị giá hơn 140 tỷ đồng. Trong suốt quá trình mua bán đó, Công ty TN luôn hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CL.

Năm 2012, tình hình kinh tế khó khăn, các doanh nghiệp phải xoay xở để bán hàng và chật vật thu hồi công nợ. Trong năm đó Công ty chúng tôi có ký với Công ty CL 07 hợp đồng kinh tế, chúng tôi vẫn thanh toán bình thường chỉ có hai hợp đồng 03/KH-TN/2012 và 06/KH-TN/2012 là chúng tôi gặp khó khăn trong thanh toán công nợ. Hiện nay, công nợ của hợp đồng 06/KH-TN/2012 là 4.849.566.396 đồng và Hợp đồng 03/KH-TN/2012 là 194.261.836 đồng. Chúng tôi đã bán hai lô hàng trên cho Công ty TNHH SXTM AN và Công ty TNHH MTV ND thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó cho đến nay, dù rất cố gắng nhưng chúng tôi vẫn chưa thể thu hồi công nợ từ khách hàng. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty TN trong thời gian qua cũng gặp rất nhiều khó khăn, nhiều công nợ không thu hồi được, dẫn

đến việc chúng tôi đã không thể thanh toán số công nợ 5.043.828.232 đồng cho Công ty CL.

Công ty TN rất tiếc vì đã không thể thanh toán đầy đủ công nợ cho Công ty CL. Trong điều kiện hiện nay, chúng tôi chỉ có thể đưa ra phương án trả nợ như sau: Chúng tôi sẽ thanh toán mỗi tháng 20.000.000 đồng cho Công ty CL, và khi nào chúng tôi thu hồi được công nợ của Công ty AN chúng tôi sẽ trả dứt điểm một lần số nợ còn lại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty TN phải thanh toán tiền nợ mua hàng hóa tại hai hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 03/KH-TN/2012 ngày 05/03/2012 là: Nợ gốc 194.261.835 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 106.455.485 đồng

+ Hợp đồng số 06/KH-TN/2012 ngày 02/10/2012 là: Nợ gốc 4.849.566.396 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 2.328.196.001đồng.

Tổng cộng số tiền nợ mà Công ty CL yêu cầu Công ty TN phải thanh toán là: Nợ gốc 5.043.828.231đồng, tiền lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 2.434.651.486 đồng, tổng cộng là 7.478.479.717 đồng.

Đề nghị Công ty TN phải tiếp tục chịu lãi chậm thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ phát biểu quan điểm như sau: Tòa án nhân dân thành phố Tam kỳ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng pháp luật. Quá trình tố tụng Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đại diện nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng đối với bị đơn mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đã vắng mặt không có lý do trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng có mặt tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty TNHH MTV CL (sau đây gọi tắt là Công ty CL) và Công ty Cổ phần TN (sau đây gọi tắt là Công ty TN) có quan hệ mua bán hàng hóa là giấy in. Theo nội dung khởi kiện của Công ty CL thì trong quá trình mua bán giấy in Công ty TN còn nợ lại khoản tiền 5.043.828.231 đồng theo hai hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 03/KHCL-TN ngày 05/03/2012 số tiền mua giấy in còn nợ là 194.261.835 đồng.

+ Hợp đồng số 06/KHCL-TN ngày 02/10/2012 số tiền nợ mua giấy còn nợ là 4.849.566.396 đồng.

Xét thấy, số nợ này đã được hai bên nhiều lần đối chiếu công nợ và lần đối chiếu công nợ gần đây nhất ngày 30/6/2015 cả hai công ty đều thống nhất số nợ này. Tại bản tự khai lập ngày 01/09/2015 của bị đơn là Công ty TN gửi Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ cũng đã thừa nhận số nợ này như yêu cầu của nguyên đơn nhưng Công ty TN cho rằng do kinh doanh khó khăn, công nợ chưa được thu hồi nên đề nghị sẽ thanh toán mỗi tháng 20.000.000 đồng cho Công ty CL, và khi nào thu hồi được công nợ của Công ty AN sẽ trả dứt điểm một lần số nợ còn lại. Tuy nhiên, tại phiên toà đại diện cho Công ty CL không đồng ý với phương án trả nợ trên mà yêu cầu Công ty TN phải thanh toán dứt điểm số nợ gốc và lãi trên.

Như vậy, có căn cứ để khẳng định Công ty TN còn nợ tiền mua giấy của Công ty CL số tiền 5.043.828.231 đồng theo hai hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 03/KHCL-TN ngày 05/03/2012 số tiền mua giấy in còn nợ là 194.261.835 đồng.

+ Hợp đồng số 06/KHCL-TN ngày 02/10/2012 số tiền nợ mua giấy còn nợ là 4.849.566.396 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy: Theo Điều 4 của cả hai hợp đồng số 03/KHCL-TN ngày 05/03/2012 và số 06/KHCL-TN ngày 02/10/2012 về phương thức thanh toán thì hai bên thỏa thuận như sau: Thanh toán dần trong vòng 30 ngày chia thành 4 đợt thanh toán kể từ ngày bên B (tức là Công ty TN) nhận được hàng và hóa đơn tài chính của bên A (tức là Công ty CL). Trong trường hợp bên B chậm thanh toán, bên B phải chịu lãi quá hạn của ngân hàng bên A.

Như vậy, tại hai hợp đồng trên các bên đã thỏa thuận nghĩa vụ chịu tiền lãi khi chậm thanh toán, sự thỏa thuận này phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên phát sinh hiệu lực.

Theo chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện:

- Đối với Hợp đồng kinh tế số 03/KHCL-TN ngày 05/3/2012: Công ty C giao hàng cho Công ty TN ngày 02/05/2012 và cũng trong ngày 02/05/2012 Công ty TN nhận được hóa đơn giá trị gia tăng số 0000441 do Công ty CL xuất, số tiền là 2.536.965.262 đồng, Công ty TN đã thanh toán được số tiền 2.342.703.427 đồng, số tiền nợ còn lại là 194.261.835 đồng. Như vậy, nghĩa vụ thanh toán trong vòng 30 ngày tức là chậm nhất đến ngày 02/6/2012 Công ty TN phải thanh toán toàn bộ tiền mua hàng cho Công ty CL, sau ngày này tức là bắt đầu từ ngày 03/6/2012 nếu chưa thanh toán thì Công ty TN phải chịu lãi chậm thanh toán như hai bên đã thỏa thuận. Như vậy, Công ty TN phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận đối với số tiền còn lại chưa thanh toán 194.261.837 đồng từ ngày 03/6/2012 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 08/9/2015, tổng cộng là 1.192 ngày theo mức lãi suất quá hạn mà Công ty CL đã vay tại ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Quảng Nam (Công ty CL đã cung cấp các hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Đông Á chi nhánh Quảng Nam tại thời điểm này theo mức lãi suất trong hạn dao động từ 11,5/năm đến 12,5%/năm) theo từng giai đoạn như sau: từ ngày 03/6/2012 đến 31/12/2013 lãi suất quá hạn là 1,25%/tháng, từ ngày 01/01/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 08/9/2015 là 1,5%/tháng, tương ứng với số tiền là 106.455.485 đồng (có bảng tính chi tiết lãi tại hồ sơ vụ án).

- Đối với Hợp đồng kinh tế số 06/KHCL-TN ngày 02/10/2012: Công ty CL giao hàng cho Công ty TN ngày 12/10/2012, và cũng trong ngày 12/10/2012 Công ty TN nhận được hóa đơn giá trị gia tăng số 0000886 do Công ty CL xuất số tiền là 4.849.566.396 đến nay Công ty TN chưa thanh toán số tiền này. Như vậy, nghĩa vụ thanh toán trong vòng 30 ngày tức là chậm nhất đến ngày 12/11/2012 Công ty TN phải thanh toán tiền mua hàng cho Công ty CL, sau ngày này tức là bắt đầu từ ngày 13/11/2012 nếu chưa thanh toán thì Công ty TN phải chịu lãi chậm thanh toán như hai bên đã thỏa thuận. Như vậy, Công ty TN phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận đối với số tiền chưa thanh toán 4.849.566.396đồng từ ngày 13/11/2012 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 08/9/2015, tổng cộng là 1029 ngày theo mức lãi suất quá hạn mà Công ty CL đã vay tại ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Quảng Nam (Công ty CL đã cung cấp các hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Đông Á chi nhánh Quảng Nam tại thời điểm này theo mức lãi suất trong hạn dao động từ 11,5/năm đến 12,5%/năm) theo từng giai đoạn như sau: từ ngày 13/11/2012 đến 31/12/2013 lãi suất quá hạn là 1,25%/tháng, từ ngày 01/01/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 08/9/2015 là 1,5%/tháng, tương ứng với số tiền là 2.328.196.001đồng (có bảng tính chi tiết lãi tại hồ sơ vụ án).

Như vậy, tổng cộng số tiền mua hàng giấy in mà Công ty TN còn nợ Công ty CL cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 03/KH-TN/2012 ngày 05/03/2012 là: Nợ gốc 194.261.835 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 106.455.485 đồng

+ Hợp đồng số 06/KH-TN/2012 ngày 02/10/2012 là: Nợ gốc 4.849.566.396 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 2.328.196.001đồng

Tổng cộng số tiền nợ mà Công ty TN phải thanh toán là: Nợ gốc 5.043.828.231đồng, tiền lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 2.434.651.486 đồng, tổng cộng là 7.478.479.717 đồng.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty CL yêu cầu Công ty TN phải thanh toán số tiền còn nợ trong 02 hợp đồng và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh như trên là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty CL về việc đề nghị Công ty TN phải chịu lãi chậm thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được chấp nhận.

Về án phí: Công ty TN phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 115.478.479đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty CL là 56.521.914đồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280; Điều 281, Điều 290 Bộ luật dân sự 2005.

Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV CL đối với bị đơn Công ty Cổ phần TN về việc *''Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa''*.

Buộc Công ty Cổ phần TN phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV CL số tiền nợ mua hàng hóa tổng cộng là 7.478.479.717 đồng, bao gồm: Nợ gốc 5.043.828.231 đồng, tiền lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 2.434.651.486 đồng, theo hai hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 03/KH-TN/2012 ngày 05/03/2012 là: Nợ gốc 194.261.835 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 106.455.485 đồng

+ Hợp đồng số 06/KH-TN/2012 ngày 02/10/2012 là: Nợ gốc 4.849.566.396 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/09/2015 là 2.328.196.001đồng.

Công ty Cổ phần TN tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Công ty Cổ phần TN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.478.479đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV CL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.521.914 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 0022501 ngày 22/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QNam;
- VKSND Tp Tam Kỳ;
- Chi cục THADS Tp TKỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Tấn Long